

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT.

Ngày: 26-10-2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, chia tài  
sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Võ Thị Hồng Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:**

Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 29/2021/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 125/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1967, có đơn xin xét xử vắng mặt

Cư trú tại: Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1969, có mặt

Cư trú tại: T Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh B

Người kháng cáo: Bị đơn chị Dương Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:

Anh Phong kết hôn với chị Dương Thị T vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới. Năm 1991, anh P chuyển khẩu từ A về xây dựng nhà ở với chị T tại K, A. Anh P làm nghề điện tử, lái xe. Chị T buôn bán tại chợ K. Nguyên nhân anh P yêu cầu ly hôn với chị T là do chị T thường xuyên chơi số đề, chơi hụi tại chợ K làm thất thoát tiền bạc của gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ thường xuyên chửi chồng, vô cớ nói chồng ngoại tình, từ đó không thể sống chung được nữa. Anh P xác định không còn tình cảm với chị T nên kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung: Trần Thị Thanh N, Trần Thanh T, Trần Thị Thanh T, Trần Thanh V (chết năm 2013) các con đều trên 18 tuổi nên các con tự quyết định. Anh không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 2 tầng, xây dựng năm 1991 trên thửa đất số 301, tờ bản đồ số 20, diện tích 200m<sup>2</sup> tại K, A; quyền sử dụng đất thửa số 301A. Tài sản trong nhà gồm 01 xe máy Honda hiệu Lead. Nay anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của anh P về quá trình hôn nhân, con chung và tài sản chung. Việc anh P trình bày chị chơi số đề là không đúng, chị chơi góp vốn tại chợ K là có, chị không chơi hụi. Anh P có ngoại tình với người phụ nữ khác có mẹ anh P và bà S biết. Ngoài tài sản như anh P trình bày thì vợ chồng còn có 01 xe ô tô 16 chỗ. Chị không đồng ý ly hôn với anh P và không đồng ý chia tài sản chung.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 125/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B đã quyết định:

Áp dụng các điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh P được ly hôn với chị Dương Thị T.

- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Thanh P

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2021, bị đơn chị Dương Thị T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Dương Thị T vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Dương Thị T. Sửa quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Thanh P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn chị Dương Thị T trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, chị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đơn chị Dương Thị T không đồng ý ly hôn với anh Trần Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần Thanh P và chị Dương Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh B nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Chị T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh P. Theo chị T, nguyên nhân anh P yêu cầu ly hôn là do anh P có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Lý do anh P yêu cầu ly hôn với chị T là do chị T chơi số đề, chơi hụi làm thất thoát tài sản của gia đình, ngoài ra chị T hay chửi mắng anh. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh P, chị T đã xảy ra từ trước năm 2010 đến nay, thực tế vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi vã, mạnh ai nấy sống. Quan trọng là anh P trình bày không còn tình cảm với chị T nữa, do đó mục đích hôn nhân giữa anh P và chị T không đạt. Xét thấy, với những lý do trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của chị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Thanh P và chị Dương Thị T có 04 người con chung: Trần Thị Thanh N- sinh năm 1990, Trần Thanh T- sinh năm 1991, Trần Thị

Thanh T- sinh năm 1993, Trần Thanh V (chết năm 2013) các con đều trên 18 tuổi nên anh P, chị T không yêu cầu giải quyết con chung, do đó HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh P rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Kháng cáo của chị Dương Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án là chưa phù hợp với nhận định như trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 308, Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Dương Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 125/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh P được ly hôn với chị Dương Thị T.

2. Về con chung: Anh P, chị T không yêu cầu giải quyết con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh P, chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010306 ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nghĩa**





